

BÁO CÁO

**sơ kết thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải
thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp
tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Chương trình làm việc năm 2023, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 08-NQ/TU) như sau:

I- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập Nghị quyết

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TU và các Nghị quyết khác của Tỉnh ủy, kết nối trực tuyến từ tỉnh đến cấp huyện và cấp xã. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện việc tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU đến cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức như tại các hội nghị, cuộc họp, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Toàn tỉnh tổ chức 1.668 hội nghị tuyên truyền, quán triệt với trên 97% lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia. Đài phát thanh Truyền hình tỉnh¹; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử các huyện, thành phố; Báo Lai Châu xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền những nội dung chính và kết quả đạt được của Nghị quyết; Sở Nội vụ phối hợp với Công đoàn viên chức tỉnh tổ chức Cuộc thi viết nhằm tìm hiểu cải cách hành chính kết hợp với văn hóa công sở (năm 2021); UBND tỉnh tổ chức Hội thi tìm hiểu cải cách hành chính (năm 2023) với hình thức sân khấu hóa. UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức mở 18 lớp bồi dưỡng cải cách hành chính, bồi dưỡng công vụ để tuyên truyền, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của tỉnh về cải cách hành chính². Qua đó đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

¹ Đài Phát thanh truyền hình tỉnh xây dựng và phát sóng 130 tin, bài, chuyên mục có nội dung tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU.

² Đã mở được 18 lớp bồi dưỡng: Năm 2021 mở 3 lớp; 2022 mở 10 lớp; năm 2023 theo kế hoạch mở 5 lớp

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện Nghị quyết

Tỉnh ủy lãnh đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Đề án số 688/QĐ-UBND, ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện³; thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2021-2030, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành; hằng năm ban hành kế hoạch cải cách hành chính, kiểm tra cải cách hành chính; kịp thời hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện.

Cấp ủy, các tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhiệm vụ chính trị của ngành.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức giám sát tại 01 huyện, 01 cơ quan và 01 đảng viên trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU⁴. Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện giám sát chuyên đề về thực hiện các quy định phát luật về cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh đối với 09 đơn vị⁵. UBND tỉnh tổ chức kiểm tra 40 đơn vị⁶ trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết. Hằng năm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố ban hành kế hoạch và thực hiện tự kiểm tra kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Thực hiện kiểm tra công vụ tại 13 cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua đó đã đánh giá được những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, định hướng nhiệm vụ thời gian tới.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA NGHỊ QUYẾT

³ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 phê duyệt Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2943/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về chương trình cải cách hành chính tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 16/9/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 14/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao Chỉ số CCHC (Par index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số Quản trị và hành chính công (Papi) của tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 2505/KH-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2022; Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Lai Châu (DDCI); Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 ban hành Bộ Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu...

⁴ Năm 2023, giám sát Đảng ủy Văn phòng UBND tỉnh, Ban Thường vụ huyện ủy và đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tam Đường.

⁵ Các sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công, Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lai Châu, UBND các huyện: Tam Đường, Nậm Nhùn.

⁶ 21 đơn vị cấp sở; 7 đơn vị cấp huyện; 12 đơn vị cấp xã.

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu chủ yếu

Sau hơn 02 năm triển khai thực hiện, đến nay có 5/9 chỉ tiêu thành phần đạt và vượt so với mục tiêu Nghị quyết đề ra, cụ thể:

(1) Tỷ lệ cắt giảm tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính được rà soát trong năm trung bình đạt 37,36%⁷ (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 30%).

(2) 100% thủ tục hành chính đáp ứng đủ yêu cầu, điều kiện được triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4⁸ (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 80%).

(3) 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4⁹ được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động¹⁰ (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 80%).

(4) 11,29% đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo và đảm bảo từ 10% chi thường xuyên trở lên¹¹ (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 17%).

(5) 58,3% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu¹² (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 60%).

(6) 99,8% hồ sơ công việc tại tỉnh (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 90%), 77% hồ sơ công việc tại cấp huyện (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 80%) và 94,2% hồ sơ công việc tại cấp xã (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 60%) được xử lý trên môi trường mạng.

(7) 55% chế độ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính Nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và tích hợp, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (Nghị quyết số 08-NQ/TU là 80%).

(8) Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh năm 2022 xếp hạng 24/63 tỉnh, thành phố (NQ nằm trong nhóm 45-50 của cả nước).

(9) Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh (PCI) của tỉnh năm 2022 xếp hạng 57/63 tỉnh, thành phố (NQ nằm trong nhóm 50-55 của cả nước).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng; quản lý, điều hành của chính quyền; giám sát của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

⁷ Năm 2021 đạt 37,7%; năm 2022 đạt 36,9%; năm 2023 đạt 37,36% (đến 18/8/2023).

⁸ Nay quy định là dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình đáp ứng đủ điều kiện được triển khai và cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - hiện nay là 930 thủ tục (toàn trình là 603 thủ tục và một phần là 327 thủ tục)

⁹ Dịch vụ công mức Mức độ 4 nay gọi là dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

¹⁰ Giao diện Hệ thống đã được thiết kế tương thích với các thiết bị di động, thiết bị cầm tay như: Điện thoại thông minh, máy tính bảng... (hệ điều hành: IOS, Android) hoặc Công dân truy cập trực tiếp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để tải.

¹¹ 49/434 đơn vị.

¹² Tính đến hết tháng 6/2023 tỉnh có 07 kết nối/12 kết nối của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách nhà nước giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 468/QĐ-TTg, ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”, các nghị quyết, quyết định, kết luận của Trung ương, của tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân các chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị được nâng lên, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; tinh thần, trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chuyên biến tích cực. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hàng năm gắn với trách nhiệm, năng lực lãnh đạo quản lý của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tăng cường giám sát sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức gắn với phòng chống tham nhũng, lãng phí. Từ năm 2021 đến nay, đã tổ chức 10 cuộc giám sát chuyên đề và thường xuyên, lồng ghép với các cuộc giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

2.2. Về cải cách thể chế

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng trình tự, thẩm quyền, có tính khả thi. HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 148 văn bản QPPL (trong đó: 41 Nghị quyết, 107 quyết định); Hội đồng nhân dân, UBND cấp huyện ban hành 46 văn bản QPPL.

Công tác rà soát, xử lý văn bản QPPL sau rà soát được UBND tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện. Kết quả: Trong kỳ báo cáo, tổng số văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực là 514 văn bản. Trong 02 năm (2021, 2022), UBND tỉnh ban hành quyết định công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND và UBND hết hiệu lực toàn bộ là 95 văn bản và hết hiệu lực một phần là 25 văn bản¹³.

Công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL, theo dõi thi hành pháp luật được triển khai kịp thời, đồng bộ theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trong kỳ báo

¹³ Năm 2021 là 54 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 12 văn bản hết hiệu lực một phần. Năm 2022 là 41 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 13 văn bản hết hiệu lực 1 phần.

cáo, đã tự kiểm tra 194 văn bản (trong đó: 41/41 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 107/107 Quyết định của UBND tỉnh; 46/46 văn bản của HĐND và UBND cấp huyện); Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra 46 văn bản do HĐND và UBND các huyện, thành phố ban hành và gửi đến. Qua kiểm tra, về cơ bản các văn bản QPPL do HĐND, UBND các huyện, thành phố ban hành đã đảm bảo đúng về thẩm quyền ban hành, nội dung phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Hàng năm, UBND tỉnh lựa chọn nội dung, lĩnh vực trọng tâm để ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố ban hành các kế hoạch để triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý và tình hình thực tế tại địa phương.

2.3. Về cải cách thủ tục hành chính

Công tác cải cách thủ tục hành chính được cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai quyết liệt nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân và tạo môi trường thông thoáng cho phát triển sản xuất kinh doanh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tỷ lệ thời gian cắt giảm trung bình đạt 37,36%¹⁴, chi phí tiết kiệm được 10.741.056.503 đồng¹⁵.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực¹⁶. Bộ phận một cửa các cấp đều đảm bảo trang thiết bị, phần mềm, nhân sự theo quy định. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận một cửa (trừ những thủ tục hành chính không thực hiện tại Bộ phận một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ); 100% cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã được phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hoàn thiện, nâng cấp các chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính được tăng cường, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ trả trước và đúng hạn cả 3 cấp đạt trên 98%.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (thông qua các phần mềm giải quyết thủ tục hành chính). Việc triển khai số hóa hồ sơ trong tiếp nhận, giải quyết TTHC được

¹⁴ Năm 2021 đạt 37,7%; năm 2022 đạt 36,9%; năm 2023 đạt 37,36% (đến 18/8/2023).

¹⁵ Năm 2021: 7.124.335.344 đồng; năm 2022: 761.796.212 đồng; 6 tháng đầu năm 2023: 2.854.924.947 đồng

¹⁶ Tính đến nay, tỉnh Lai Châu có 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công, 115 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa (tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; 08 huyện, thành phố; 106 xã, phường, thị trấn).

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí kinh phí, nguồn lực, trang thiết bị, cấp chữ ký số trong việc thực hiện số hóa. Tính đến thời điểm báo cáo, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị: Năm 2021, đạt 13%; năm 2022, đạt 37,59%; năm 2023, đạt 76,31%¹⁷.

Để tạo thuận lợi tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp, tỉnh đã đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đến thời điểm báo cáo 100% dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. UBND tỉnh đã tích hợp, triển khai thanh toán trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh là 299/299 TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, đạt 100%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công, đạt 31,25%¹⁸.

Việc công khai, công bố thủ tục hành chính được các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện nghiêm túc. Công tác tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện đúng theo quy định. Tính từ khi Nghị quyết ban hành đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh tiếp nhận 10 phản ánh, kiến nghị qua Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia và đường dây nóng. Toàn bộ phản ánh, kiến nghị được chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời để trả lời công dân theo đúng quy trình, trình tự, thời gian theo quy định.

Thực hiện cải cách hành chính gắn với triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả thiết thực. Đã hoàn thành việc nâng cấp, xây dựng kho lưu trữ của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và kết nối thành công với 09 cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp 1.932 dịch vụ công; hoàn thành cung cấp 53 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện các mô hình điểm; tiếp nhận trực tuyến 52.072 hồ sơ trên tổng số 98.946 hồ sơ (đạt 52,6%) phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân, được ghi nhận đánh giá cao; đối với 02 dịch vụ công liên thông¹⁹ đã tiếp nhận 180 hồ sơ; 117/117 cơ sở Khám chữa bệnh BHYT thực hiện tra cứu bằng CCCD thành công là 110.898 lượt đạt 74% tổng lượt khám và điều trị; 09 cơ sở KCB thực hiện liên thông Giấy khám sức khỏe lái xe lên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT là 585 hồ sơ, lũy kế là 1.703 hồ sơ; thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho 1.997/3.083 người, đạt 64,7%.

¹⁷ Số liệu được cập nhật ngày 30/8/2023 trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

¹⁸ Số liệu được cập nhật ngày 30/8/2023 trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

¹⁹ 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí” thực hiện từ 10/7/2023 trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://lienthong.dichvucong.gov.vn/#/>.

Tính đến ngày 20/6/2023, tỉnh Lai Châu là một trong 47 địa phương hoàn thành cấp 100% CCCD cho công dân đủ điều kiện trên địa bàn trước 41 ngày theo thời gian Bộ Công an giao; đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử: đến ngày 24/7/2023 đã thu nhận 172.048 tài khoản; đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử: 129.394/163.059 tài khoản định danh điện tử đạt 79,4%.

Cập nhật bổ sung số ĐDCN/CCCD của người tham gia trong cơ sở dữ liệu BHXH tỉnh là 372.922/390.319, đạt 96%; tổng số mũi tiêm đã đồng bộ là 1.196.584/1.202.272 (đạt 99.5%); cập nhật dữ liệu Hội Nông dân là 62.805/69.363 hội viên, đạt 91%; hoàn thành 100% dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội (115.061/15061 đối tượng), dữ liệu người có công, thân nhân người có công (648/648 người); hoàn thành 100% việc tổng hợp gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo; 1.491/1.491 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử và nộp thuế điện tử khi phát sinh nghĩa vụ thuế đạt 100%; xác thực được 145.700/150.288 dữ liệu học sinh đạt 96.9%; dữ liệu giáo viên là 11.383/11.160 đạt 98.0%; cập nhật bổ sung thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đủ điều kiện đồng bộ, đạt 100%, số hồ sơ đã đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia đạt trên 98%... góp phần hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

Việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến trong giải quyết TTHC: Đến nay 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã mở tài khoản (119 tài khoản) để thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác trong giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Kết quả có 16.827 giao dịch thực hiện thanh toán phí, lệ phí thủ tục hành chính thành công, với số tiền đạt trên 576.441.431 đồng²⁰.

2.4. Về cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết cắt giảm số lượng các tổ chức trùng lặp chức năng, nhiệm vụ. Kịp thời chỉ đạo các cơ quan rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, đảm bảo không để sót chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đồng thời phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; từng bước khắc phục sự chồng chéo, bất cập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị. Quy định cơ cấu số lượng cấp phó và sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn thuộc UBND

²⁰ Số liệu trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

cấp huyện đảm bảo quy định²¹.

Toàn tỉnh đã sắp xếp tinh gọn các phòng, đơn vị trực thuộc của 19 sở, ban, ngành tỉnh, huyện; sau sắp xếp giảm được 41 tổ chức, nâng tổng số đã sắp xếp giảm 271 tổ chức, đơn vị; sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập đạt 26,92% so với năm 2015 vượt 6,92% so với mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương đến năm 2025. Tạm dừng thí điểm Trưởng Ban Tổ chức kiêm Trưởng Phòng nội vụ huyện Nậm Nhùn, Chủ nhiệm UBKT kiêm Chánh Thanh tra huyện Tam Đường theo Thông báo số 16-TB/TW, ngày 07/7/2022 của Bộ Chính trị. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 130-KH/TU, ngày 29/11/2022 về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 và kế hoạch sử dụng biên chế từng năm (từ năm 2023 đến năm 2026), trong đó xác định đến năm 2026 toàn tỉnh giảm 1.709 biên chế, bảo đảm bằng số biên chế được Trung ương giao cho tỉnh. Đến nay đã giảm 722 biên chế so với năm 2021 (công chức 60, đạt 2,28%, viên chức 662, đạt 4,25%). Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của 45 cơ quan, đơn vị. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 9 cơ quan chuyên môn cấp huyện²².

Thực hiện rà soát, sửa đổi các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ²³; xây dựng Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua. Định kỳ thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phân cấp, phân quyền theo quy định. Việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, đơn vị cấp dưới chủ động trong việc tổ chức thực hiện.

²¹ Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy: 03 cơ quan bố trí 03 cấp phó, 03 cơ quan bố trí 02 cấp phó. Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh: 03 cơ quan bố trí 03 cấp phó, 03 cơ quan bố trí 02 cấp phó. Các sở, ngành tỉnh: 03 cơ quan bố trí 04 cấp phó, 13 cơ quan bố trí 03 cấp phó, 03 cơ quan bố trí 02 cấp phó. Các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện bình quân mỗi cơ quan bố trí 02 cấp phó.

²² Phòng Tư pháp, Phòng Nội vụ; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc; Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế-Hạ tầng; Phòng Văn hóa thông tin cấp huyện.

²³ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh về ban hành phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Lai Châu; phân cấp về công tác bổ nhiệm, nâng lương, tuyển dụng viên chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ...Ban hành phân cấp lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng; quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm: Quy định về giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án có cấu phần xây dựng; Quy định về quyết định chủ trương đầu tư dự án; Quy định về quyết định đầu tư dự án; Quy định về phân công thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; Quy định về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; Quy định về trách nhiệm phối hợp trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư; Quy định về quản lý cấp giấy phép xây dựng và trật tự xây dựng; Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND, ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Quyết định 55/2016/QĐ-UBND, ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND, ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Quyết định Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế quyết định 55/2016/QĐ-UBND, ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; 21/2022/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định về quản lý cấp giấy phép xây dựng và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.5. Về cải cách chế độ công vụ

Tích cực rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm của các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ, ngành⁽²⁴⁾. Triển khai áp dụng tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm. Kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị.

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào thi nâng ngạch công chức góp phần đảm bảo tối đa nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật, bảo đảm tính cạnh tranh. Từ tháng 6/2021 đến nay, toàn tỉnh đã tuyển dụng được 82 công chức, tiếp nhận vào làm công chức 132 người và tổ chức 16 kỳ tuyển dụng viên chức, kết quả tuyển dụng được 336 viên chức và tổ chức tiếp nhận vào làm viên chức 13 viên chức; đã cử 690 lượt cán bộ, CCVC đi đào tạo từ trình độ từ đại học trở lên (trong đó: Đại học 605 người; Sau Đại học 85 người). Đối với một số lĩnh vực quan trọng: nông nghiệp có 35 người (đại học 33; sau đại học 02); giáo dục có 211 người (đại học 187; sau đại học 24); y tế có 359 người (đại học 305, sau đại học 54). Ngoài ra còn cử 16.735 lượt cán bộ, CCVC tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác, vị trí nhiệm vụ được đảm nhiệm²⁵.

Cấp ủy các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức. Hằng năm, thực hiện kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh trong 3 năm đã thực hiện kiểm tra được 13/15 đơn vị (02 đơn vị sẽ thực hiện kiểm tra trong quý IV năm 2023). Qua kiểm tra, cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm nội quy,

²⁴ Công văn số 101/UBND-TH ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 36,39,43,45,46,47/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải; số 242/UBND-TH ngày 19/01/2023 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ; Công văn số 392/UBND-TH ngày 09/02/2023 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ.

²⁵ Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện 17.106 người; trong đó nữ 10.517 (61,48%), dân tộc thiểu số 5949 (34,78%). Trình độ chuyên môn: Trên đại học 713 (4,17%), đại học 10.529 (61,55%), cao đẳng 2672 (15,62%), trung cấp 3004 (17,56%), công nhân kỹ thuật 188 (1,1%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 936 (5,47%), trung cấp 3265 (19,09%), sơ cấp 2055 (12,01%), chưa qua đào tạo 10.850 (63,43%). Cán bộ, công chức cấp xã 2075 người; trong đó nữ 583 (28,1%), dân tộc thiểu số 1586 (76,43%). Trình độ chuyên môn: Trên đại học 31 (1,49%), đại học 1174 (56,58%), cao đẳng 97 (4,67%), trung cấp 761 (36,68%), công nhân kỹ thuật 103 (0,58%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 103 (4,96%), trung cấp 1482 (71,43%), sơ cấp 166 (8%), chưa qua đào tạo 324 (15,61%).

quy chế làm việc, làm những việc trong phạm vi, quyền hạn, trách nhiệm, không làm những việc mà pháp luật không cho phép. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo quy định. Kết quả bình quân năm 2021,2022, tỷ lệ đảng viên trên địa bàn toàn tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 17,74%, hoàn thành tốt nhiệm vụ là 81.08%, hoàn thành nhiệm vụ là 3,51%, không hoàn thành nhiệm vụ là 0.66%.

2.6. Về cải cách tài chính công

Kịp thời triển khai thực hiện các chính sách, tiền lương, tiền công theo quy định của Trung ương và Bộ Tài chính; quản lý thu, chi ngân sách nhà nước theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, giảm dần chi thường xuyên, bố trí hợp lý nguồn vốn cho đầu tư phát triển; thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước; đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, đơn vị.

Công tác quản lý tài sản công được siết chặt, nhất là việc sắp xếp lại cơ sở nhà, đất. Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại nhà, đất được 2.050 cơ sở, trong đó: Năm 2021 là 2.049 cơ sở; năm 2022 là 01 cơ sở. Trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước, công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện, đã ban hành nhiều văn bản yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ những tháng đầu năm kế hoạch. Kết quả: Năm 2021 tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước đạt 85,93%²⁶, năm 2022 đạt 80,29%²⁷, 6 tháng đầu năm 2023 đạt 26,83%.

Công tác thu ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo, gắn với triển khai kịp thời các quy định mới về quản lý thu chi ngân sách nhà nước. Chi ngân sách đảm bảo cân đối, đảm bảo nguồn để thực hiện chi thường xuyên, chi đầu tư và các chính sách an sinh xã hội. Thu ngân sách trên địa bàn tăng qua các năm, cụ thể: Năm 2021 đạt 2.067,6 tỷ đồng, tăng 40% so với kế hoạch Trung ương giao; năm 2022 đạt 2.223,6 tỷ đồng, tăng 39% so với dự toán Trung ương giao; thực hiện đến 30/6/2023 đạt 891,4 tỷ đồng, bằng 43% dự toán Trung ương giao.

UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 434 đơn vị (trong đó khối tỉnh 78 đơn vị; khối huyện, thành phố 356 đơn vị). Số đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm và đảm

²⁶ Báo cáo số 56/BC-STC ngày 14/02/2021 tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 của Sở tài chính tỉnh Lai Châu. (số liệu dài ngắn tính đến 14/01/2022 theo báo cáo KBNN)

²⁷ Số liệu chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2022 được Bộ Tài chính thẩm định.

bảo từ 10% chi thường xuyên trở lên là 49 đơn vị, đạt 11,29%, trong đó: chi thường xuyên và chi đầu tư là 07 đơn vị, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên là 17 đơn vị và đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là 25 đơn vị; số đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên 385 đơn vị.

2.7. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh tham mưu trình Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030²⁸. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương về Chính quyền điện tử, Chính quyền số²⁹.

Công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền được thực hiện thông suốt, hiệu quả thông qua các ứng dụng: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Ứng dụng thư điện tử công vụ; chữ ký số; Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử; hệ thống fanpage “UBND tỉnh Lai Châu” trên Facebook và hệ thống OA “UBND tỉnh Lai Châu” trên Zalo. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đã triển khai tới cấp xã. Thực hiện triển khai phòng họp không giấy trong các cuộc họp giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí, hội họp của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

Phương thức chỉ đạo, trao đổi công việc giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh được đổi mới căn bản, toàn diện, trên môi trường mạng, cụ thể: Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong phạm vi toàn tỉnh đến thời điểm báo cáo đạt 100%. Tính từ tháng 6 năm 2021 đến nay, tổng số văn bản điện tử được gửi nhận của toàn tỉnh là trên 1.000.000 văn bản, tiết kiệm trên 7 tỉ đồng chi phí văn phòng phẩm, gửi nhận so với sử dụng văn bản giấy. Tỉnh đã thực hiện việc kết

²⁸ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

²⁹ Kế hoạch số 900/KH-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số gắn kết với cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2021; Quyết định 1244/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 3389/KH-UBND ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2022; Kế hoạch số 3703/KH-UBND ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 3705/KH-UBND ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lai Châu năm 2022; Kế hoạch số 3711/KH-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”; Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nền tảng số quốc gia tập trung thúc đẩy sử dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm 2022; Kế hoạch số 4900/KH-UBND ngày 05/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1543/KH-UBND ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

nối liên thông với Trục văn bản quốc gia. Hoàn thành 07 kết nối qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh³⁰. Tính đến nay đã thiết lập cho gần 700 cơ quan với khoảng 8.200 tài khoản. Toàn tỉnh có 3.000 hòm thư công vụ; 4.282 chữ ký số của cá nhân, tổ chức.

Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, một phần đáp ứng đủ yêu cầu điều kiện được triển khai cung cấp trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh 930 thủ tục, trong đó: toàn trình 603 thủ tục; một phần 327 thủ tục³¹. Tính từ 01/6/2021 đến 23/5/2023, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến một phần là 13.820/92.123 đạt 15%, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến toàn phần là 57.518/102.383 đạt 56,2%.

Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 44,21%; tỷ lệ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 99,67%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 31,25%³².

Một số dịch vụ đô thị thông minh đã được UBND thành phố Lai Châu triển khai thí điểm như: Hệ thống phản ánh hiện trường do Phòng quản lý đô thị khai thác sử dụng, hệ thống giám sát an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố. Đến nay, 10% người dùng điện thoại hoặc thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.

2.8. Về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh được quan tâm. Tính hết quý II/2023, tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh 1.921 doanh nghiệp (tăng 410 doanh nghiệp so với năm 2020); có 416 hợp tác xã, trong đó có 326 hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên địa bàn tỉnh hiện có 289 dự án với tổng số vốn đầu tư 141,25 nghìn tỷ đồng, trong đó: có 170 dự án hoàn thành và đi vào hoạt động. Tỉnh đã tổ chức thành công Hội chợ Sâm Lai Châu năm 2022, Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2022 (Techfest Việt Nam tại Lai Châu).

Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án ngoài ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp, Tổ công tác liên ngành giải quyết các kiến nghị của chủ đầu tư các dự án ngoài ngân sách; tổ chức kiểm tra 18 dự án chậm tiến độ, kịp thời đôn đốc các nhà đầu tư triển khai thực hiện; tổ chức Hội nghị gặp gỡ các nhà đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ

³⁰ (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ kế hoạch và đầu tư) với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh; (2) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam) với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp) với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh; (4) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp) với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh; (5) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp) với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh; (6) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính) với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh; (7) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam với Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh.

³¹ Số liệu ngày 17/7/2023 tại Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

³² Số liệu được cập nhật ngày 30/8/2023 trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh; tổ chức quảng bá, giới thiệu tiềm năng, ưu đãi và cơ chế chính sách của tỉnh đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chú trọng phát triển, nâng cao vai trò các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp (thành lập Chi hội chè Lai Châu, Hội doanh nghiệp xuất nhập khẩu tỉnh Lai Châu). Hàng năm, tổ chức gặp mặt doanh nhân nhân ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10.

Triển khai có hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người dân. Trong đó ưu tiên đẩy mạnh xây dựng chương trình đào tạo gắn với nhu cầu của xã hội, giúp học viên có nhiều cơ hội việc làm. Mở các lớp đào tạo theo hướng chuyển đổi từ đào tạo nghề nông nghiệp sang đào tạo các nghề thủ dệt thổ cẩm, kinh doanh thương mại, các lớp trồng rau an toàn, trồng nấm, chăn nuôi gia súc... phù hợp với nhu cầu lao động của thị trường. Tiếp tục triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng - doanh nghiệp trong tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng³³, qua đó nắm bắt, xử lý kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh trong quá trình vay vốn.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TU, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

Công tác cải cách hành chính được triển khai quyết liệt, đồng bộ từ tỉnh xuống cơ sở. Chất lượng xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên, đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn và có tính khả thi cao. Thủ tục hành chính ngày càng được cải cách theo hướng đơn giản, nhanh gọn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện, tỷ lệ thời gian cắt giảm trung bình đạt gần 38%, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị cơ bản đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ được tăng cường, góp phần giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Cải cách tài chính công được đẩy mạnh, tài chính, tài sản công được quản lý chặt chẽ, hiệu quả. Công tác xây dựng và phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử đạt nhiều kết quả tích cực. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khảo sát, đầu tư tại tỉnh.

Đến nay, 5/9 mục tiêu của Nghị quyết đã đạt và vượt mục tiêu đề ra đến năm 2025. Thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được nâng lên, năm 2022 xếp hạng 24/63 tỉnh, thành phố. Hiệu quả quản trị và hành chính công

³³ Tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp năm 2023 (ngày 10/3/2023)

được cải thiện (Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công - PAPI của tỉnh năm 2022 xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố). Qua đó, góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đóng góp quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

2. Hạn chế

Việc tuyên truyền, quán triệt, ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự được chú trọng (theo kết quả kiểm tra cải cách hành chính năm 2022, 2023³⁴).

Hạ tầng số chưa được đầu tư đồng bộ, vẫn còn hiện tượng sóng yếu, lờm sóng. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin thấp, chưa thu hút được nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao vào các hoạt động của cơ quan nhà nước nói riêng và về tỉnh nói chung. Hoạt động phát triển doanh nghiệp công nghệ số của toàn tỉnh rất hạn chế. Công tác bảo đảm an toàn thông tin tại một số cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh còn chưa được quan tâm đúng mức. Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin của tỉnh nói chung và công tác đảm bảo an toàn thông tin nói riêng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả chưa cao, tỷ lệ hồ sơ phát sinh giải quyết TTHC đối với các dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình (mức độ 3, mức độ 4) còn thấp.

Việc đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở nhiều lĩnh vực còn chậm (nhất là lĩnh vực giáo dục, đào tạo); số lượng đơn vị chuyển đổi từ loại hình ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và loại hình đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên chưa nhiều.

Một số tổ chức, đơn vị thuộc các cơ quan chưa tinh gọn và đảm bảo tiêu chí theo quy định³⁵; một số cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật³⁶.

Mức độ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ, chỉ số PCI của tỉnh thuộc nhóm thấp của cả nước.

Một bộ phận người dân chưa có sự chuyển biến về nhận thức và cách thức thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Còn có tâm lý “không muốn” và “không làm” các thủ tục hành chính đã được tinh gọn cấp một phần, toàn trình (mức độ 3,4).

³⁴ Sở Giao thông vận tải; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ban Dân tộc.

³⁵ như: Sở Thông tin và truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT ...

³⁶ Từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2023, toàn tỉnh có 118 cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật (trong đó khiển trách 84, cảnh cáo 14, cách chức 07, buộc thôi việc 13).

3. Nguyên nhân của hạn chế

Nhận thức và ý thức trách nhiệm trong thực hiện công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh ở một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, toàn diện.

Kinh phí cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chủ yếu là ngân sách địa phương. Chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin; chưa có quy định của Trung ương về bố trí biên chế làm công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Nguồn thu thực hiện các dịch vụ sự nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa nhiều. Việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lớn, nhất là các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bảo trợ xã hội, cơ sở điều trị và cai nghiện ma túy, điều trị nghiện dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế...

Khả năng tiếp cận thông tin, phương tiện máy móc, ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn chưa đồng đều và có phần hạn chế. Nhiều người dân còn có thói quen giao dịch trực tiếp với các cơ quan hành chính nhà nước, do vậy tỷ lệ hồ sơ phát sinh giải quyết TTHC đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 còn thấp. Trang thiết bị tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã đã xuống cấp, chưa được đầu tư, nâng cấp kịp thời, ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3,4 ở cấp cơ sở.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tập trung khắc phục những hạn chế đã chỉ ra, chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết, trong đó tập trung vào các chỉ tiêu còn thấp, khó đạt, phấn đấu đến năm 2025 các chỉ tiêu đều đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra; chú trọng một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức nhất là người đứng đầu về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với thực hiện có hiệu quả Đề án 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 983/QĐ-UBND, ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến

năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tiếp tục triển khai, thực hiện việc kết nối, tích hợp, đồng bộ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành; bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin ở cả 03 cấp bảo đảm về số lượng, có năng lực trình độ đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

3. Tiếp tục theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tổ chức đánh giá đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Lấy kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kết quả điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức để đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

4. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật, nhất là ở các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức, viên chức; phân cấp, ủy quyền; quản lý đất đai, môi trường; quy hoạch, xây dựng; tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản; xã hội hóa và quản lý cung ứng dịch vụ công... để kịp thời phát hiện các quy định chồng chéo, mâu thuẫn để ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện số hóa, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa. Đẩy mạnh các giải pháp nâng tỷ lệ thanh toán trực tuyến, phấn đấu đến năm 2025 đạt tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và 80% tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công. Minh bạch quy trình giải quyết thủ tục hành chính, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm. Đẩy mạnh việc cập nhật, chia sẻ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan, đơn vị trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Hệ thống báo cáo của Chính phủ. Ưu tiên dành nguồn kinh phí, bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính đã đặt ra đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát, đẩy mạnh đổi mới cơ chế tự chủ hành chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập; hàng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy

định. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp; gắn cải cách bộ máy hành chính với cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; tập trung bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.

7. Sớm hoàn thiện việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, tạo cơ sở xây dựng nền hành chính hiện đại. Tăng cường công khai, minh bạch công tác quy hoạch, các chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, các chính sách thu hút đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục đất đai, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng... góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Nơi nhận:

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: VTTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Vũ Mạnh Hà